

VÌ SAO GIỖ QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG VÀO NGÀY 10/3 ÂM LỊCH?

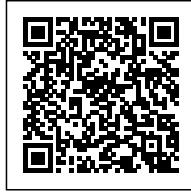
TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

ISSN: 2734-9195





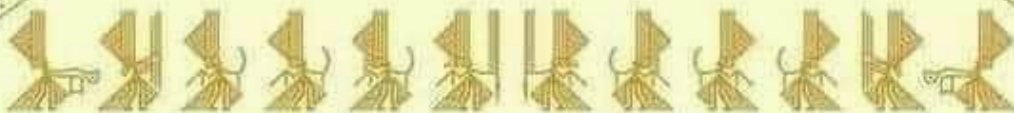
Lịch sử và ý nghĩa ngày giỗ Quốc Tổ Hùng Vương đã được nhiều bài viết đề cập, tuy nhiên Quốc giỗ lấy ngày 10/3 (ÂL), trước một ngày so với giỗ vua Hùng đời thứ 18 vị vua cuối cùng thời Hùng Vương.

Tác giả: **BHD**

GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG (MỪNG 10 THÁNG 3 ÂM LỊCH)



**“DÙ AI ĐI NGƯỢC VỀ XUÔI
NHỚ NGÀY GIỖ TỔ MỪNG 10 THÁNG 3”**



Vì sao chọn ngày này? đã có một số giải thích nhưng trình bày chưa rõ. May mắn tôi có lần hỏi Hoà thượng Đệ tam Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thích Phổ Tuệ và được Ngài giải thích. Xin nêu lại để cùng tham khảo, ai có hiểu biết và tư liệu thuyết phục có thể bổ sung giúp cho vấn đề sáng tỏ hơn.

1. Các vị Vua Hùng trước đời vua thứ 18, giỗ vào ngày nào đối với mỗi vị, con cháu đời sau không biết vì thời đó chưa có sử sách ghi chép. Có một số thông tin nhưng không thống nhất, chưa đủ căn cứ.
2. Nếu có biết một số vị, ngày mất của các vị cũng không trùng ngày trong năm. Đã không biết đủ và không trùng ngày, thì không thể làm giỗ vị này mà bỏ giỗ vị khác và tôn giỗ vị nào là Quốc giỗ.
3. Người Việt xưa có tập tục (từ bao giờ cũng không có sách ghi cụ thể) trước ngày gỗ chính (của người mất) một ngày, có tục bao sái nơi thờ và lễ bố cáo tổ tiên, mời Tổ tiên, Ông, Bà,... về thụ lễ và chứng giám cùng con cháu, lễ đó gọi là lễ "tiên thường".
4. Từ năm 1917, năm Khải Định thứ hai, lấy ngày 10/3 (ÂL) trước ngày [giỗ Vua Hùng](#) đời thứ 18 (vị vua cuối cùng giỗ vào ngày 11/3 ÂL) làm ngày Quốc giỗ là chọn ngày bố cáo Quốc Tổ dựa trên tập tục của cha ông xưa, hợp đúng thời điểm đẹp trong năm vào tiết xuân, thuận cho cho muôn dân hướng về nguồn cội là từ những lễ đó.

Xin nêu ý kiến của Hoà thượng Thích Phổ Tuệ, rất mong các thiện tri thức, cao nhân có thêm thông tin và sự hiểu biết đúng bổ cứu.

Tác giả: **BHD**

18 ĐỜI HÙNG VƯƠNG

1. Kinh Dương Vương(涇陽王): 2879 - 2794 TCN
2. Hùng Hiền Vương(雄賢王): 2793 - 2525 TCN
3. Hùng Lân Vương (雄麟王): 2524 - 2253 TCN
4. Hùng Việp Vương (雄曄王): 2252 - 1913 TCN
5. Hùng Hi Vương (雄犧王): 1912 - 1713 TCN
6. Hùng Huy Vương (雄暉王): 1712 - 1632 TCN
7. Hùng Chiêu Vương (雄昭王): 1631 - 1432 TCN
8. Hùng Vĩ Vương (雄曄王): 1431 - 1332 TCN
9. Hùng Định Vương (雄定王): 1331 - 1252 TCN
10. Hùng Hi Vương (雄曦王): 1251 - 1162 TCN
11. Hùng Trinh Vương (雄楨王): 1161 - 1055 TCN
12. Hùng Vũ Vương (雄武王): 1054 - 969 TCN
13. Hùng Việt Vương (雄越王): 968 - 854 TCN
14. Hùng Anh Vương (雄英王): 853 - 755 TCN
15. Hùng Triều Vương (雄朝王): 754 - 661 TCN
16. Hùng Tạo Vương (雄造王): 660 - 569 TCN
17. Hùng Nghị Vương (雄毅王): 568 - 409 TCN
18. Hùng Duệ Vương (雄睿王): 408 - 258 TCN

